

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngân hàng, chứng khoán với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

HPG, TCM

## [Cập nhật công ty]

NT2, DXG

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể kết hợp trái lệnh mua, mở thêm 1 phần tỷ trọng trading quay vòng trong các nhịp điều chỉnh.

12/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,300.19	+1.23
VN30	1,331.81	+1.80
HĐTL VN30F1M	1,330.70	+1.97
HNXIndex	248.31	+0.77
HNX30	554.65	+1.12
UPCoM	99.14	+0.19
USD/VND	25,442	-0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.81	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.45	+15
Dầu (WTI, \$)	78.72	+1.05
Vàng (LME, \$)	2,313.45	-0.15



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,300.19 (+1.23%)  
**KLGD (triệu CP)** 769.9 (-5.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 914.6 (-8.5%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngân hàng, chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 591.5 tỷ đồng, tập trung tại FPT (+4.35%), VHM (+0.92%), MBB (+2.44%).

**HNXIndex** 248.31 (+0.77%)  
**KLGD (triệu CP)** 76.8 (-21.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 61.5 (-11.3%)

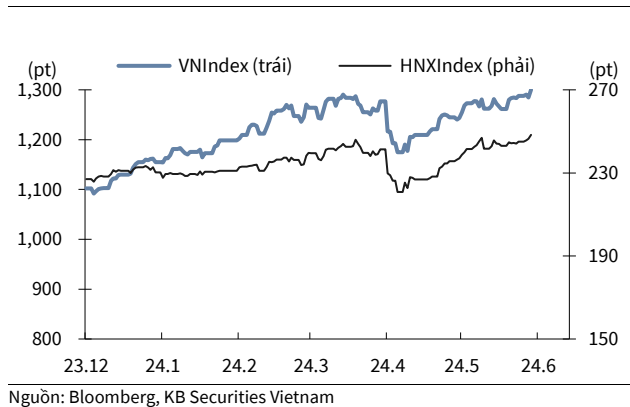
Giá dầu thế giới tăng nhẹ vào phiên giao dịch ngày 11/6, sau khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm nay. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVD (+1.09%), PVS (+2.02%).

**UPCoM** 99.14 (+0.19%)  
**KLGD (triệu CP)** 76.6 (-1.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 52.1 (+10.0%)

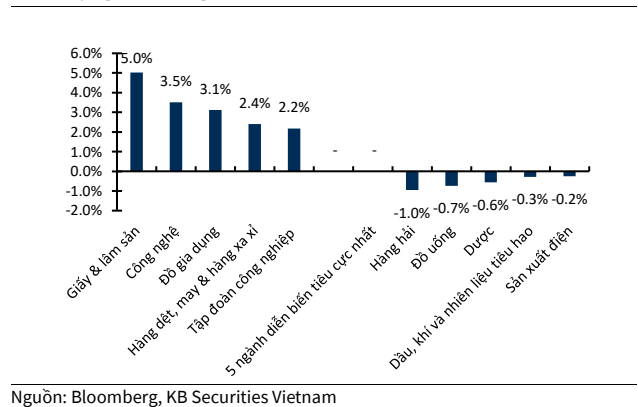
Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 490/QĐ-TTg về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương từ dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Cổ phiếu nhóm Đầu tư công tăng giá ở VCG (+1.10%), HUT (+1.64%).

**ĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -21.0

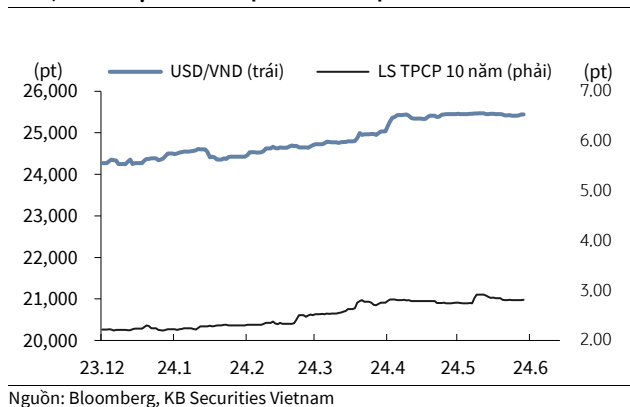
## VNIndex & HNXIndex



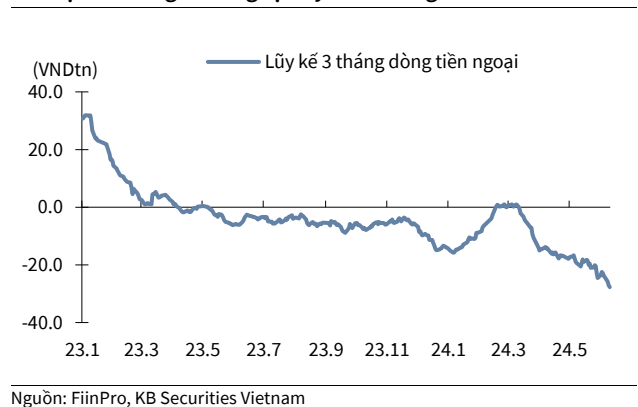
## Biến động nhóm ngành



## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

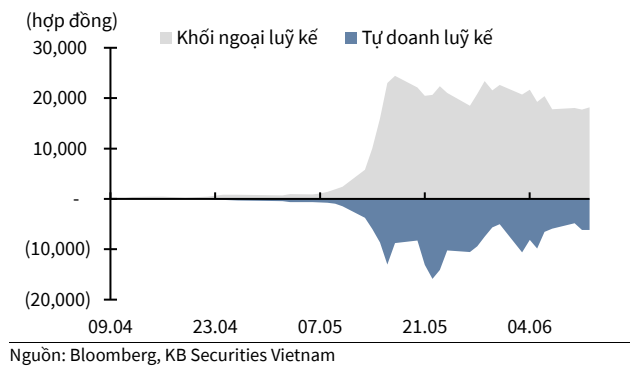


# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

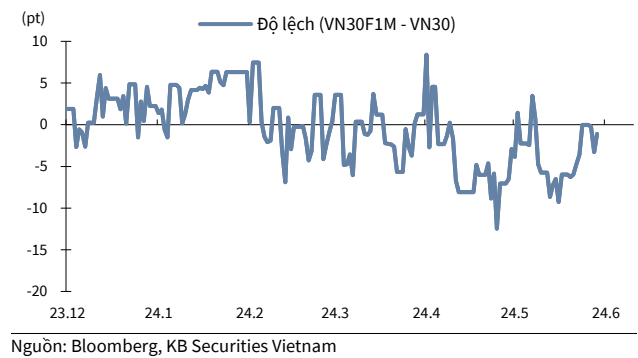
<b>VN30</b>	<b>1,331.81 (+1.80%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,330.7 (+1.97%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,302.2</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,332.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,301.3</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>236,032 (+7.1%)</b>

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại -6.9 điểm, sau đó biến động quanh mức -4.43 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.11 điểm. Khối lượng giao dịch tăng. Khối ngoại mua ròng 473 HĐTL VN30F2406 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 18,199 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 13 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 6,167 hợp đồng.

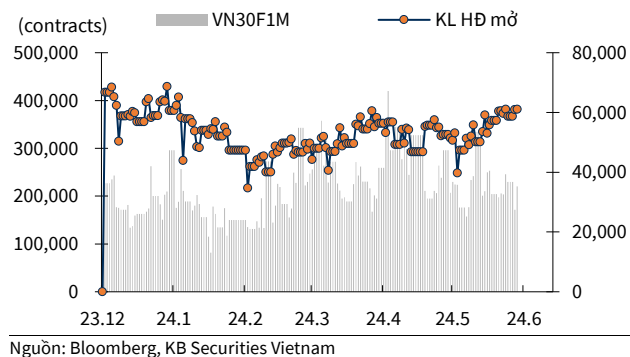
**Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN**



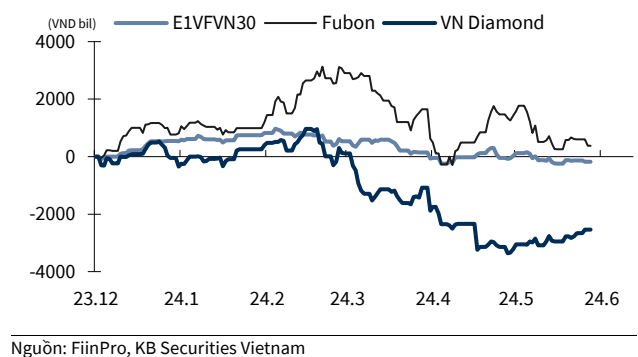
**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**

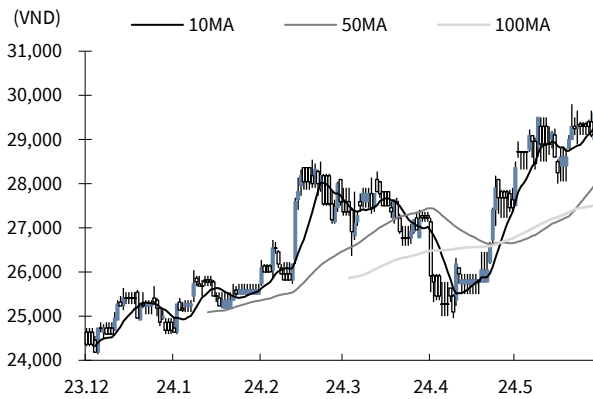


**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



# Thông tin doanh nghiệp

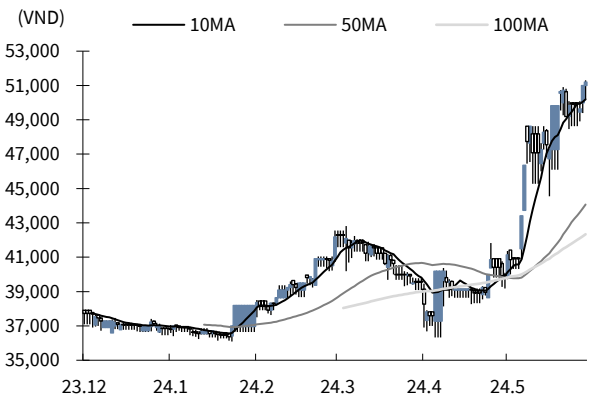
## CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1.72% lên 29,600 VND/cp
- Tập đoàn Hòa Phát cho biết, hiện nay hàng trăm nhà thầu đang dồn lực cho Đại công trường Khu liên hợp Hòa Phát Dung Quất 2. Các hạng mục được triển khai đồng bộ, vừa thi công xây dựng vừa lắp đặt thiết bị. Dự kiến, dây chuyền thép cuộn cán nóng HRC đầu tiên của Hòa Phát Dung Quất 2 sẽ hoàn thành vào cuối năm 2024. Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 có quy mô 280 ha, tổng vốn đầu tư 85.000 tỷ đồng, công suất thiết kế 5,6 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC) chất lượng cao/năm. Theo kế hoạch, phân kỳ 1 của dự án sẽ đi vào hoạt động vào đầu quý I năm 2025. Phân kỳ 2 hoàn thiện và hoạt động vào quý 4 năm 2025.

## CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM giảm 0.39% về 51,200 VND/cp
- Kết thúc 5 tháng đầu năm 2024, Công ty Cổ phần Dệt may Thành Công (HoSE: TCM) đã thực hiện được lần lượt 41% kế hoạch doanh thu và 69% kế hoạch lợi nhuận năm. Trong tháng 4/2024, Công ty Dệt may Thành Công ghi nhận doanh thu Công ty mẹ đạt hơn 13 triệu USD (tương ứng 330.7 tỷ đồng), tăng 33% so với cùng kỳ và lợi nhuận đạt hơn 1.1 triệu USD (khoảng 28 tỷ đồng), tăng 116%. Xét về cơ cấu doanh thu trong tháng 5/2024, sản phẩm may chiếm 75% tổng doanh thu, sản phẩm vải chiếm 15% tổng doanh thu, 9% doanh thu đến từ sản phẩm sợi và còn lại 1% từ sản phẩm khác.

# Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 (NT2)

## Thách thức sụt giảm huy động điện khí toàn ngành

12/06/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận  
[thuannnd@kbsec.com.vn](mailto:thuannnd@kbsec.com.vn)

**Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 1Q2024 sụt giảm nghiêm trọng**

Doanh thu thuần 1Q2024 của NT2 đạt 262 tỷ VND (-88% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ 158 tỷ VND, so với cùng kỳ là 234 tỷ VND. Trong Quý 1/2024, sản lượng điện thương phẩm đạt 152 triệu kWh (+8% YoY).

**Trong 1Q2024, NT2 ghi nhận thu nhập khác đến từ đánh giá lại hàng tồn kho**

Sau thời điểm tổ máy Tuabin khí tích lũy đủ 100,000 giờ vận hành trong Q1/2024, NT2 có ghi nhận một khoản thu nhập khác khoảng 70 tỷ VND do đánh giá lại hàng tồn kho đối với vật tư dự phòng, khiến cho giá trị hàng tồn kho đối với vật tư và thu nhập khác tăng tương ứng.

**Công suất huy động từ điện than đạt gần mức tối đa là cơ hội cho điện khí được huy động trong mùa nắng nóng**

Theo EVN, điện than là nguồn điện được tập trung huy động trong Q1/2024, đạt 41.33 tỷ kWh, tương đương 57.85% tổng sản lượng điện, dẫn tới công suất phát điện cực đại (Pmax) của nguồn điện này gần đạt công suất lắp đặt tối đa. Việc điện than được huy động tối đa công suất buộc EVN giảm công suất huy động nhằm đảm bảo tuổi thọ các nhà máy, qua đó là cơ sở cho việc gia tăng huy động điện khí và các nguồn điện khác.

**Khuyến nghị TRUNG LẬP với giá mục tiêu 23,100 VNĐ/cổ phiếu**

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 23,100 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 0.9% so với giá tại ngày 11/06/2024.

## TRUNG LẬP DUY TRÌ

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>23,100</b>
Tăng/giảm (%)	0.9%
Giá hiện tại (//20)	VND 22,900
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 23,200
Vốn hóa thị trường	6,595
(nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	20.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	
Sở hữu nước ngoài (%)	46.8%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (79.94%)

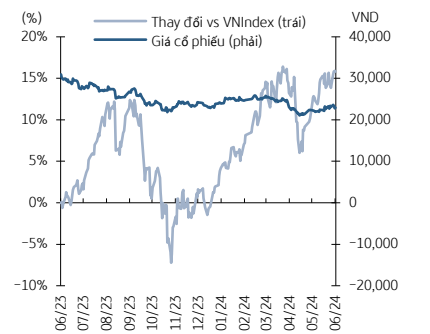
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.7	-2.0	-0.9	-0.9
Tương đối	-0.7	-7.9	-4.2	-3.9

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	8,788	6,386	5,844	8,387
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	883	473	196	463
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	883	473	196	463
EPS (VND)	2,992	1,546	681	1,605
Tăng trưởng EPS (%)	70.4	-48.3	-56.0	136.0
P/E (x)	8.4	15.5	34.3	14.6
P/B (x)	1.6	1.6	1.7	1.8
ROE (%)	19.2	10.9	5.0	12.3
Tỷ suất cổ tức (%)	9.4	2.5	2.6	2.7

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Đất Xanh (DXG)

## Kỳ vọng những thay đổi rõ nét hơn

12/06/2024

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận  
[thuannnd@kbsec.com.vn](mailto:thuannnd@kbsec.com.vn)

### Kết quả kinh doanh Quý 1/2024 hồi phục so với cùng kỳ

Doanh thu Quý 1/2024 đạt 1.065 tỷ VND (+182%YoY), LNST ghi nhận 31 tỷ VND (so với mức -91 tỷ VND của Quý 1/2023). KQKD ghi nhận sự hồi phục nhờ (1) Bàn giao khoảng 600 căn hộ tại dự án Opal Skyline và (2) sự hồi phục của mảng môi giới với số lượng giao dịch tăng khoảng 30% so với cùng kỳ.

### Tiếp tục hoàn thiện pháp lý các dự án

Trong năm 2024, Đất Xanh đặt mục tiêu sẽ hoàn thiện pháp lý các dự án tại khu vực phía Nam như Gem Riverside (Tp. HCM), Gem Sky World (Đồng Nai), Opal Luxury, Park View, Park City, Opal Cityview (Bình Dương) để đảm bảo doanh số bán hàng trong giai đoạn 2024-2026. Trên cơ sở thận trọng do quan sát thấy tiến độ phê duyệt pháp lý cho các dự án vẫn diễn ra tương đối chậm, chúng tôi ước tính doanh số bán hàng năm 2024 của đạt khoảng 1,200 tỷ VND (+5xYoY), chủ yếu đến từ dự án Gem Sky World. Doanh số bán hàng năm 2025 sẽ có sự cải thiện rõ rệt hơn khi dự án Gem Riverside mở bán, đạt 5,650 tỷ VND (+5xYoY).

### LNST năm 2024 đạt 204 tỷ VND (+18%YoY)

KBSV ước tính doanh thu năm 2024 đạt 5,306 tỷ VND (+42%YoY) và LNST đạt 204 tỷ VND (+18%YoY) nhờ bàn giao dự án Opal Skyline và hoạt động môi giới hồi phục từ mức nền thấp của năm 2023.

### Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 20,100VND/cp

Cổ phiếu DXG hiện đang giao dịch ở mức P/B 2024fw là 1.1x, thấp hơn so với P/B trung bình 5 năm là 1.3x. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 20,100VND/cp, cao hơn 22% so với giá đóng cửa ngày 11/06/2024.

## MUA duy trì

Giá mục tiêu	20,100VND
Tăng/giảm (%)	22%
Giá hiện tại (11/06/2024)	16,500VND
Giá mục tiêu đồng thuận	16,600VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	11.9/0.5

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,512	3,725	5,306	4,516
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	775	437	577	718
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	215	172	204	331
EPS (VND)	351	281	286	464
Tăng trưởng EPS (%)	-82	-20	2	63
P/E (x)	53.39	61.61	57.77	35.53
P/B (x)	1.09	1.07	1.09	1.06
ROE (%)	1.5	1.2	1.3	2.1
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

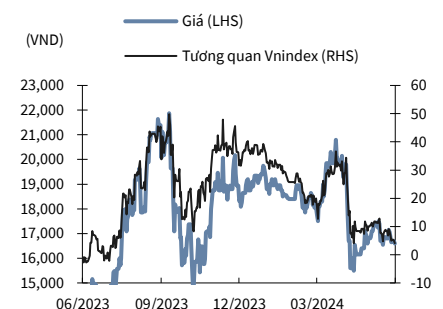
Nguồn: Fiinpro, KBSV

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	80.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	251.1/10.0
Sở hữu nước ngoài (%)	19.7%
Cổ đông lớn	

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1.2	-6.5	-9.4	20.9
Tương đối	-4.9	-10.9	-24.1	4.4
Tuyệt đối	-1.2	-6.5	-9.4	20.9



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chi báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

### Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1330 (+-10)

Kháng cự gần: 130x

Hỗ trợ gần: 1270 (+-5)

Hỗ trợ xa: 124x

Dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VNIndex hình thành mẫu nến tăng điểm thân đặc, bao phủ hầu hết toàn bộ biên độ đi ngang của chỉ số trong những phiên vừa qua và đóng cửa trên mốc đỉnh ngắn hạn. Điều này cho thấy lực cầu phần nào đã có sự đồng thuận hơn và cơ hội chỉ số bứt phá ngưỡng cản tâm lý 1300 ngày càng rõ nét, trước khi có thể gặp áp lực rung lắc trở lại quanh vùng 1330 (+-10).

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể kết hợp trải lệnh mua, mở thêm 1 phần tỷ trọng trading quay vòng trong các nhịp điều chỉnh.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

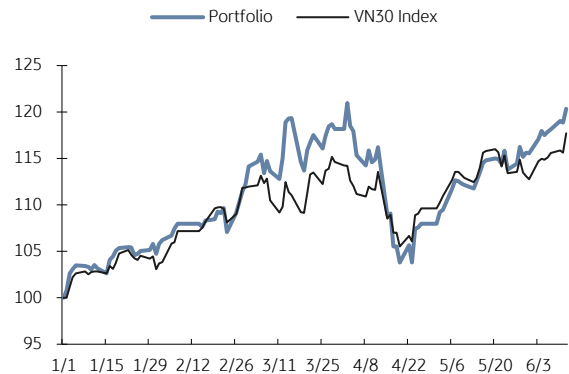
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.80%	1.25%
Tăng lũy kế (YTD)	17.71%	20.34%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	132,000	3.6%	6.6%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	29,000	0.7%	1.9%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	88,700	1.7%	-9.7%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	96,900	2.8%	3.1%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phat (HPG)	03/06/2024	29,600	1.7%	2.8%	- KQKD chậm đậy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	31,350	0.5%	11.6%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	38,850	-0.4%	6.7%	- Nhu cầu trồng trọt toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	26,550	0.0%	7.3%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	80,400	0.1%	-0.6%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	63,400	1.8%	13.2%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBB	2.4%	23.0%	138.6
MSN	2.6%	30.3%	88.8
SSI	2.2%	44.0%	61.1
SGN	0.0%	22.8%	39.5
HAH	0.2%	6.0%	35.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FPT	4.4%	48.6%	-495.3
VHM	0.9%	16.8%	-184.1
VRE	0.7%	27.4%	-102.1
VNM	0.8%	50.6%	-89.5
VPB	6.0%	27.1%	-60.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.0%	20.7%	46.6
IDC	0.6%	23.5%	36.7
MBS	1.8%	1.9%	17.9
SHS	1.6%	9.6%	14.3
HUT	1.6%	1.7%	2.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DTD	-1.1%	7.0%	-5.0
NTP	2.4%	17.7%	-4.9
VCS	-0.3%	2.2%	-2.1
VGS	0.0%	1.0%	-1.0
THD	0.3%	0.2%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	11.4%	VSC, VOS, SKG, VTO
Công nghệ	8.1%	FPT, CMG, ELC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	6.8%	AST, VNG, DSN, DAH
Nước	5.6%	BWE, TDM, SII, CLW
Đồ gia dụng	4.0%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-3.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Bảo hiểm	-2.3%	BVH, MIG, BIC, BMI
Dược	-1.8%	DHG, IMP, TRA, DBD
Hàng không dân dụng	-1.7%	VJC, HVN
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.2%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	34.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Phụ tùng oto	18.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Công nghệ	16.0%	FPT, CMG, ELC
Đồ uống	15.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Giấy & lâm sản	14.5%	DHC, HAP, HHP, VID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-4.5%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng không dân dụng	-1.2%	VJC, HVN
Ngân hàng	-0.6%	VCB, BID, VPB, TCB
Bao bì & đóng gói	0.1%	TDP, SVI, MCP, TPC
Sản phẩm xây dựng	0.5%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	111,345 (4.4)	22.5	49.0	-	14.7	2.9	-2.5	1.5	1.6	0.2	-2.0	-3.8	-2.9	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	323,463 (12.7)	26.6	5.5	4.7	35.9	16.0	15.8	0.8	0.7	0.9	-2.0	-4.6	-10.9	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	168,451 (6.6)	17.8	12.2	10.6	-7.6	10.7	10.7	1.2	1.1	0.7	-2.9	-2.9	-6.2	
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	224,080 (8.8)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-6.4	0.8	0.8	1.1	-2.4	5.9	-15.8	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	131,877 (5.2)	11.6	34.4	31.7	13.7	6.5	7.6	2.0	1.9	2.0	2.4	5.4	20.9	
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	131,717 (5.2)	13.9	72.5	43.1	-	2.1	2.5	1.1	1.1	1.5	-0.3	-0.3	-13.4	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	151,115 (5.9)	6.3	14.4	12.3	11.7	19.2	18.2	2.4	2.0	1.7	-0.1	-3.6	10.5	
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	87,454 (3.4)	12.7	12.5	10.8	-5.3	18.8	19.2	1.9	1.6	1.2	0.5	-2.3	10.4	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	482,610 (19.0)	0.0	7.9	6.5	14.3	16.3	17.6	1.2	1.0	0.1	4.0	1.9	55.3	
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	320,065 (12.6)	1.4	8.7	6.5	50.3	16.6	18.7	1.2	1.1	0.9	3.4	2.0	23.6	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	320,733 (12.6)	0.0	10.5	8.1	18.8	11.2	12.9	1.1	1.0	6.0	7.2	4.9	1.0	
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	389,320 (15.3)	0.0	5.7	4.9	14.6	22.1	22.2	1.1	1.0	2.4	4.1	2.2	23.9	
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	162,313 (6.4)	4.2	6.1	5.6	23.3	24.4	18.1	1.2	1.0	1.9	1.3	1.3	18.2	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	397,587 (15.6)	14.0	6.1	4.7	26.5	18.8	21.3	1.1	0.9	0.5	5.9	13.6	12.2	
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	132,895 (5.2)	0.0	4.4	3.6	37.4	16.5	17.7	1.1	0.9	1.4	2.5	1.9	6.0	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	230,562 (9.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.3	-1.5	8.8	4.6		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	47,804 (1.9)	21.0	20.1	16.6	15.8	7.8	9.0	-	-	1.2	-2.2	13.5	17.0	
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	15,607 (0.6)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	2.0	-6.0	8.4	20.6	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	540,210 (21.2)	55.4	22.6	19.2	-3.2	12.3	13.0	2.3	2.3	2.2	3.4	3.2	11.6	
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	268,634 (10.6)	71.9	28.2	27.0	-4.0	12.7	11.6	2.4	2.6	0.4	5.0	7.2	19.8	
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	231,160 (9.1)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.7	2.2	4.9	25.9	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	288,659 (11.3)	27.2	13.3	13.1	36.3	11.7	12.0	1.5	1.3	1.7	-0.3	-1.2	-7.6	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	276,663 (10.9)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.3	29.5	4.3	4.2	0.8	-2.2	0.8	-0.9	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	93,576 (3.7)	36.9	20.1	19.1	7.3	17.9	18.7	3.5	3.5	-0.9	2.1	16.3	6.3	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	476,102 (18.7)	16.5	63.6	30.3	-51.9	7.3	12.2	3.7	3.3	2.6	-0.4	9.9	16.1	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,976 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	4.2	16.4	25.6	11.7	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	105,830 (4.2)	11.0	34.1	24.6	-88.5	11.5	17.0	3.4	2.9	0.5	-1.6	-9.1	-1.6	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	156,768 (6.2)	10.8	19.9	20.8	-57.0	14.9	13.3	2.6	2.4	-0.3	2.0	2.5	21.6	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	96,362 (3.8)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	1.2	-0.3	4.5	1.7	
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	59,257 (2.3)	48.0	28.8	23.6	26.2	28.6	30.6	7.0	5.9	0.5	0.2	3.4	45.1	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	338,102 (13.3)	37.7	45.3	19.9	-14.4	6.8	5.2	-	-	1.3	-0.2	8.5	-0.2	
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	115,057 (4.5)	3.6	21.9	17.1	-52.4	3.7	4.3	0.9	0.9	-0.3	2.4	8.5	7.6	
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	64,313 (2.5)	0.0	10.5	8.5	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.4	2.4	1.4	10.6	28.6	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	132,571 (5.2)	46.1	16.7	15.7	-17.5	16.6	16.4	2.7	2.6	0.1	-0.2	6.5	6.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	24,476 (1.0)	31.4	-	25.7	-10.5	2.0	5.1	1.7	1.7	0.2	0.7	4.6	-6.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	14,581 (0.6)	34.1	8.6	8.2	-5.1	13.3	13.5	0.9	0.9	-0.3	-4.0	-1.6	6.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	764,550 (30.0)	18.0	15.2	10.7	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	1.7	1.2	6.9	16.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	157,264 (6.2)	36.5	20.2	16.3	-0.5	6.4	7.9	1.3	1.3	-0.4	0.0	14.6	16.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	232,805 (9.1)	46.5	12.1	11.7	-4.5	15.0	16.9	2.0	1.9	0.5	3.8	14.2	21.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	268,216 (10.5)	38.9	18.0	12.7	67.9	8.1	10.1	1.5	1.4	1.0	6.0	18.9	7.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	80,031 (3.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.2	-2.1	5.5	21.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	104,873 (4.1)	4.6	16.5	15.4	-51.0	12.0	12.2	2.0	1.8	-0.2	3.0	7.5	24.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	175,683 (6.9)	39.9	20.4	11.5	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	1.1	2.4	0.9	14.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	191,722 (7.5)	35.9	10.2	8.7	2.2	12.3	12.8	1.4	1.3	-0.6	3.6	5.2	30.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	554,143 (21.8)	0.0	26.7	19.4	14.4	14.2	16.6	3.5	3.0	1.8	2.3	7.6	48.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	137,956 (5.4)	0.0	15.5	13.3	2.4	21.1	21.2	2.9	2.5	2.8	2.6	-0.6	12.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	15,492 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.5	8.6	0.5	-17.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	133,514 (5.2)	30.3	120.9	46.6	-75.2	9.6	23.4	13.5	10.9	2.0	4.3	7.0	64.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,916 (1.3)	34.6	22.2	19.5	41.2	10.3	11.3	2.5	2.3	-1.0	-0.2	5.1	25.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,281 (0.2)	45.4	16.3	15.3	10.7	19.5	19.2	3.2	3.2	-0.9	-3.8	2.1	12.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	42,848	61,301 (2,664)	692,678 (27.2)	0.0	25.5	20.8	15.5	27.9	28.4	4.9	4.1	4.3	8.4	15.9	58.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán**

**Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm**  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích**  
linhpp@kbsec.com.vn

### **Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng**

**Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích**  
nguyennd1@kbsec.com.vn

### **Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**

**Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích**  
giangnt1@kbsec.com.vn

### **Bất động sản khu công nghiệp & Logistics**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích**  
anhntn@kbsec.com.vn

### **Dầu khí & Hóa Chất**

**Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích**  
hieupm@kbsec.com.vn

**Khối phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### **Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích**  
uyenvt@kbsec.com.vn

**Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích**  
tienns@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích**  
thuannd@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ**  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ**  
huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.